TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2024/HSST
Ngày: 28 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thái

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quàng Văn Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà***: Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 152/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lầu A D;** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 02/7/1990, tại tỉnh B;

Nơi cư trú: Bản N A, xã P, huyện Đ, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 09/12 phổ thông; Con ông: Lầu Tồng L, con bà: Vừ Thị N; Vợ: thứ nhất: Vừ Thị H (Đã ly hôn), vợ thứ 2: Sùng Thị C (Đã ly hôn); Vợ thứ 3: Thào Thị May Y; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 22/11/2016 bị Công an huyện Đ xử phạt 500.000 đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích" theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC, ngày 21/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Diện Biên Đông áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc theo quyết định số 02/QĐ-TA, với thời hạn 20 tháng, ngày 24/7/2020 bị cáo chấp hành xong. Bị cáo đã chấp hành xong các quyết định trên, nên đến lần phạm tội này được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành

chính, chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Ngày 25/3/2024 bị Công an huyện Đ xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản", theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16/QĐ-XPHC. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 01/3/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (Có mặt).

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn T; Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường N, thành phố Đ, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Lường Văn P; Địa chỉ: Bản K, xã P, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 22/02/2024, bị cáo Lầu A D đi bộ lang thang tại thành phố Đ, khi đi đến khu vực tổ 4, phường N, D thấy 01 xe mô tô Honda Lead, màu vàng, biển kiểm soát 88G1-294.14 của anh Nguyễn Văn T để trên vỉa hè Quốc lộ 279, xe cắm chìa trong ổ khoá. Quan sát thấy không có người trông coi nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp để làm P tiện đi lại. D tiến lại, ngồi lên xe, mở khoá rồi điều khiển xe đi chơi. Ngày 29/02/2024 Công an thành phố Đ triệu tập bị cáo lên làm việc, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp chiếc xe trộm cắp.

Bản kết luận định giá số 06/KL ngày 01/3/2024, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 01 xe mô tô Honda Lead, màu vàng, biển kiểm soát 88G1-294.14, xe cũ đã qua sử dụng có giá: 8.058.000 đồng, nắp hộc để đồ phía dưới tay lái bên trái của xe máy trên bị vỡ, hỏng có giá: 10.000 đồng, phần nắm nhựa bảo vệ nắp bình xăng của xe máy bị vỡ, hỏng, có giá: 14.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn Văn T là: 8.058.000 đồng. Giá trị tài sản mà bị cáo đã làm hỏng là: 24.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 83/CT-VKS-TPĐBP ngày 25/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lầu A D về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu, nên không đặt vấn đề xem xét. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lầu A D không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người liên quan khác cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản lấy lời khai, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự….Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 12 giờ ngày 22/02/2024 tại khu vực tổ 4, phường N, thành phố Đ, tỉnh B, Lầu A D đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm soát 88G1 -294.14, trị giá 8.058.000 đồng của anh Nguyễn Văn T.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn phường N nói riêng, thành phố Đ nói chung, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 22/11/2016 bị Công an huyện Đ xử phạt 500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC, ngày 21/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 20 tháng, ngày 24/7/2020 bị cáo chấp hành xong. Bị cáo đã chấp hành xong các quyết định trên, nên đến lần phạm tội này được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Ngày 25/3/2024 bị cáo bị Công an huyện Đ xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16/QĐ-VPHC.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, nhưng khi trở về địa P, không lấy đó làm bài học cho bản thân, lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi

xã hội một thời gian, để bị cáo có thời gian cai nghiện và cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 8.058.000 đồng, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thấy rằng mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên,Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Đối với anh Lường Văn P: Sau khi lấy trộm được chiếc xe máy, bị cáo D điều khiển xe đến nhà anh P, nhưng không nói cho anh P biết chiếc xe máy đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, anh P hiện không có mặt tại địa P, cơ quan điều tra không đề cập xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Vật chứng: Chiếc xe mô tô biên kiểm soát 88G1-294.14, kèm chìa khóa là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn T, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại, anh T nhận lại tài sản không có yêu cầu gì. Xét việc trả lại tài sản cho bị hại là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: Quá trình sử dụng xe mô tô sau khi trộm cắp, bị cáo D làm vỡ nắp binh xăng và hộc để đồ trị giá 24.000 đồng, người bị hại đã nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Hành vi làm vỡ nắp bình xăng và hộc để đồ trị giá 24.000 đồng của bị cáo đối với chiếc xe của anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội cố ý làm hư hỏng tài sản, nhưng chưa đủ giá trị để khởi tố về tội này, cơ quan điều tra công an thành phố Đ đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 44/QĐ-XPHC ngày 16/4/2024, bị cáo không có khiếu nại gì với quyết định xử phạt vi phạm hành chính này, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Lầu A D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lầu A D 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (01/3/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/6/2024). bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THA dân sự TPĐBP;
- TAND tỉnh B
- THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành